

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2019.

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phước.

2. Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1979.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Đình T**, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp 1, xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Đình T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008 nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc bình thường được một thời gian đầu, sau đó thì bắt

đầu mâu thuẫn về mọi mặt, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Khoảng cuối năm 2017 thì chị và anh T xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng và có xô xát nhau, anh T đánh chị nên chị có nộp đơn ra xã A, huyện Long Thành và đã được ban áp 1 hòa giải nhưng không có kết quả, chị và con đã dọn ra ngoài phòng trọ ở, sống ly thân với anh T từ cuối năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không bàn bạc hàn gắn đoàn tụ được. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đình T.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đình Tr, sinh ngày 06/8/2010.

Hiện cháu Tr đang sống cùng với chị, ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tr, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm công nhân thu nhập bình quân một tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 28/3/2019 và các lời khai tại Tòa, bị đơn anh Lê Đình T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H về sống chung với nhau từ năm 2008, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có phát sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh thấy chị H thường xuyên nhắn tin điện thoại với người yêu cũ, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 anh và chị H có cãi vã nhau và anh có tát chị H 01 cái vào mặt, chị H có nộp đơn ra ban áp hòa giải nhưng không thành, sau đó chị H dọn ra phòng trọ sống cho đến nay, vợ chồng không thể bàn bạc đoàn tụ được. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh muốn vợ chồng cùng nuôi dạy con chung trưởng thành.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đình Tr, sinh ngày 06/8/2010.

Hiện cháu Tr đang sống cùng với chị H. Anh muốn hai vợ chồng cùng cháu Tr sống chung một gia đình vì cháu Tr còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của cha và mẹ, nhưng do hiện nay anh và chị H không sống chung nhà với nhau nên anh vẫn tôn trọng ý kiến của cháu Tr, cháu Tr muốn ở cùng với ai cũng được.

+ Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh biết chị H có mua 01 miếng đất diện tích 5m x 20m bằng giấy tay tại tổ 1, khu 12, xã Long Đức, huyện Long Thành nhưng anh không biết số tờ, số thửa nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

+ Nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy khai sinh con; Bản tự khai của chị H; Bản tự khai của cháu Tr; Biên bản xác minh tại UBND xã An Phước; Bản tự khai của anh T; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải.

Các tình tiết các bên thống nhất: Chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn, chị H xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Về con chung: có 01 con chung tên Lê Đình Tr, sinh ngày 06/8/2010, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tr, anh T tôn trọng ý kiến của cháu Tr. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Việc chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Tòa án tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa chị H và anh T. Về con chung: có 1 con chung tên Lê Đình Tr, sinh ngày 06/8/2010, hiện nay cháu Tr đang sống cùng chị H, được chị H chăm sóc tốt, cháu Tr có nguyện vọng sống cùng chị H. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Lê Đình T cư trú tại tổ 13, ấp 1, xã A, huyện

Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Yêu cầu khởi kiện của chị H được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T chung sống với nhau từ năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị H có đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn. Xét thấy, việc chị H và anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình. Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án tuyên bố “Không công nhận quan hệ vợ chồng” giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đình Tr, sinh ngày 06/8/2010.

Ly hôn chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện cháu Tr đang sống cùng chị H và được chị H chăm sóc tốt, cháu Tr cũng có ý kiến muốn tiếp tục sống cùng chị H, hiện tại chị H có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Đồng thời, anh T cũng có ý kiến tôn trọng ý kiến của cháu Tr. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị H, giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 47 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Đình T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đình Tr, sinh ngày 06/8/2010. Xử giao cháu Tr cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0001239 ngày 07/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Đình T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND H. Long Thành (1);
- Chi cục THADS H. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- UBND xã An Phước (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Thị Hồng Gấm